

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty: Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình**

**Năm báo cáo: Năm 2019**

### **PHẦN I**

#### **THÔNG TIN CHUNG**

##### **1. Thông tin khái quát**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
- Tên Tiếng Anh: QUANG BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: QBR.,JSC
- Giấy đăng ký kinh doanh: Số 3100213455 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/12/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01/3/2018.
- Vốn điều lệ: 17.605.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Điện thoại: 0232. 3838909
- Fax: 0232. 3836742
- Email: duongsatquangbinh@gmail.com
- Website: <http://duongsatquangbinh.vn>
- Mã cổ phiếu: QBR
- Thị trường giao dịch UPCOM

##### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tiền thân ban đầu của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình.

- Ngày 23 tháng 11 năm 1981, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường sắt Việt Nam đã ban hành Quyết định số 454/LĐTL về việc thành lập Đoàn câu đường Quảng Bình.

- Ngày 17 tháng 04 năm 1998, Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 867/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

- Tháng 3 năm 2003 đơn vị chính thức đổi tên thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình theo quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

- Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có quyết định số 710/QĐĐS chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

- Ngày 11/12/2015, Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc), với tổng số lượng cổ phần chào bán đấu giá công khai là: 88.045 cổ phần, giá đấu thành công bình quân thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần.

- Ngày 28/12/2015 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thành lập Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình chính thức đi vào hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3100213455 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp. Với số vốn điều lệ đăng ký là 17.605.000.000 đồng (Mười bảy tỷ, sáu trăm linh năm triệu đồng chẵn).

- Với truyền thống và kinh nghiệm gần 40 năm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia từ năm 1981 đến nay, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình tự hào là một trong những doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng trong và ngoài ngành, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo chất lượng và an toàn chạy tàu; cứu chữa, khôi phục sự cố thiên tai, tai nạn chạy tàu. Công ty có một đội ngũ đầy kinh nghiệm sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng ngành Giao thông và đơn vị ngày càng phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của ngành đường sắt nói riêng, ngành Giao thông vận tải nói chung.

- Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình hoạt động theo hệ thống pháp luật Nhà nước; là công ty hoạt động trong lĩnh vực ngành đường sắt. Hiện nay, Công ty gồm có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, 4 phòng nghiệp vụ, 4 đội quản lý đường sắt, 03 chi nhánh và các tổ chức chính trị như Đảng, Công đoàn và Đoàn TNCSHCM; có 528 cán bộ công nhân viên, trong đó có 56 kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học, có kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm; Hơn 460 công nhân kỹ thuật lành nghề. Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; mở rộng lĩnh vực sản xuất công nghiệp (sản xuất cấu kiện BT, cấu kiện thép, phụ kiện chuyên ngành Đường sắt, dịch vụ du lịch khách sạn, ăn uống...); đầu tư các dự án xây dựng có tiềm năng.

### **3. Các giải thưởng tiêu biểu**

Cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng các công trình đường sắt, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng cao quý do Chủ tịch nước trao tặng như: Huân chương lao động hạng ba năm 1992, Huân chương lao động hạng nhì năm 1997, Huân chương lao động hạng nhất năm 2008, Huân chương độc lập hạng ba năm 2014 và nhiều cờ, bằng khen của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, các Bộ khác, các Tổ chức Chính trị xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình trao tặng. Công ty nhiều năm đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.

**4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

a) Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

- Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình giao thông, dân dụng;

- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt; trang thiết bị dụng cụ lao động, bảo hộ lao động.

b) Địa bàn kinh doanh

Tập trung chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

a) Công ty con, công ty liên kết, chi nhánh trực thuộc: Có 03 chi nhánh

b) Nhà đầu tư nắm giữ 51% cổ phần: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Địa chỉ: 118 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39425972; Fax: (84-4) 39422866

Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

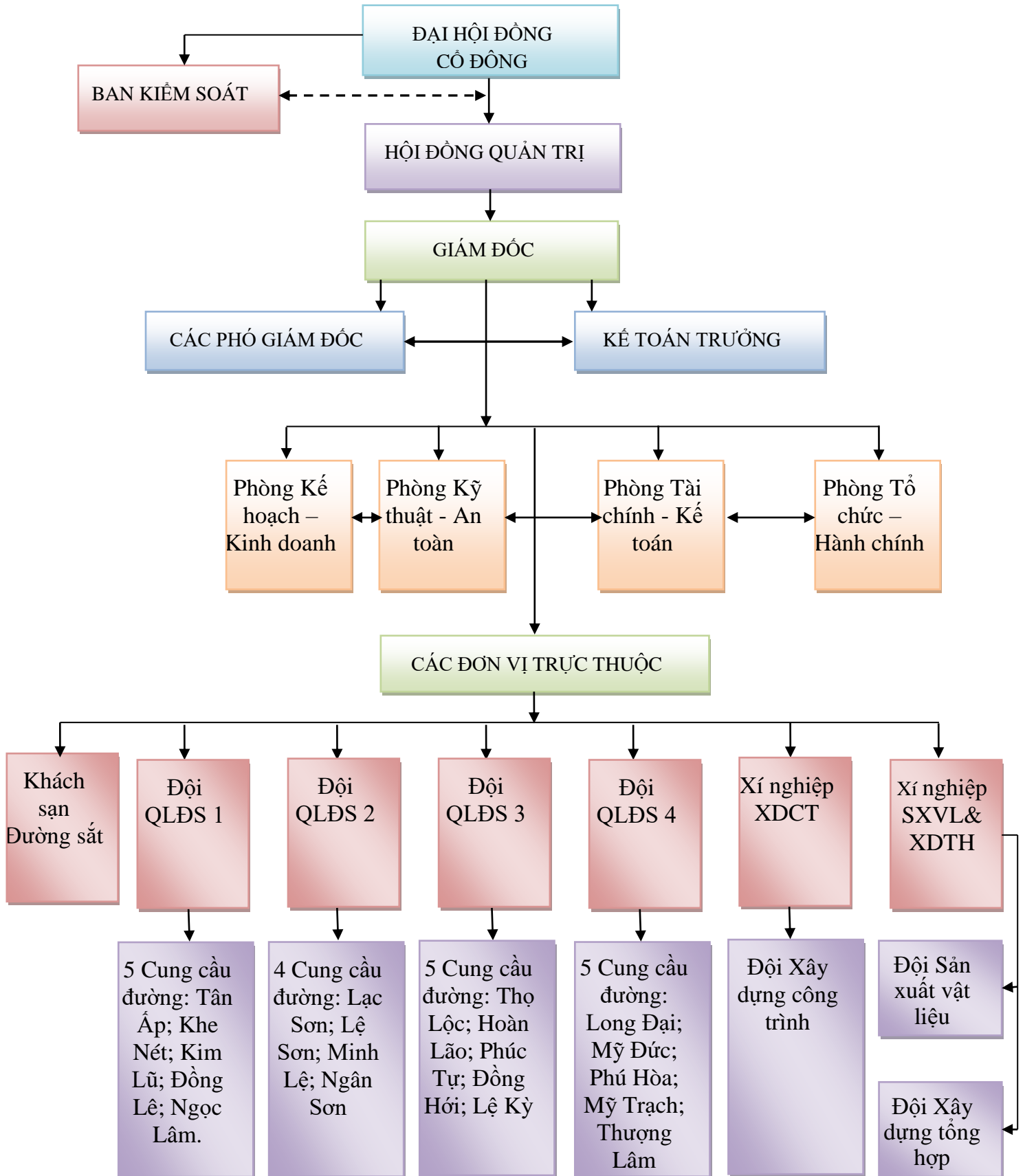
Ngành, nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ đường thủy, đường hàng không; tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; dịch vụ viễn thông và tin học; kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt; kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.

Tỷ lệ góp vốn tại công ty: 8.978.550.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51%/vốn điều lệ.

c) Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ bộ máy tổ chức



## **6. Định hướng phát triển**

a) Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của ngành đường sắt

Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngày 10/02/2015, Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Giai đoạn đến năm 2020, ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam để đạt tốc độ chạy tàu bình quân 80 - 90 km/h đối với tàu khách và 50 - 60 km/h đối với tàu hàng; tập trung đầu tư, nâng cấp, cải tạo các nhà ga đường sắt trọng điểm, các nhà ga có lượng hành khách lớn; nghiên cứu phương án xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao, đường đôi khổ 1.435 mm, điện khí hóa trên trục Bắc - Nam.

Đến năm 2030: Sẽ triển khai xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao, ưu tiên xây dựng trước những đoạn có nhu cầu vận tải lớn trên trục Bắc - Nam; nghiên cứu, xây dựng các tuyến nối các cảng biển lớn, khu công nghiệp, du lịch; kết nối đường sắt xuyên Á.

b) Mục tiêu của Công ty:

Xây dựng Công ty ngày càng phát triển, đưa Công ty trở thành một nhà thầu thi công chuyên nghiệp, năng động, uy tín, thương hiệu.

Đảm bảo trạng thái kỹ thuật đường sắt và an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi được đặt hàng sản phẩm quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt.

Hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Huy động mọi nguồn lực hiện có, tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hoá lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, bảo đảm lợi ích cho cổ đông.

c) Mục tiêu đối với môi trường:

Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

d) Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:

Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

## **7. Các rủi ro**

a) Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế thế giới trong năm 2019 tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro, không chỉ từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung mà còn từ việc Anh ra khỏi Liên minh châu Âu (EU), được gọi là Brexit, và những căng thẳng địa chính trị. Thương mại toàn cầu bị đình trệ, kéo theo hoạt động kinh tế tại hầu hết các nền kinh tế lớn đều chậm lại. Mặc dù thế giới đã ghi nhận những tiến triển vào cuối năm, nhưng bất ổn vẫn đang hiện hữu, đe dọa đến triển vọng năm 2020.

Theo đó, năm 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam tăng 7,02% so với năm 2018 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung của nền kinh tế. Lạm phát vẫn được giữ ở mức thấp dưới 2,73%. Vì vậy, với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh vận tải đường sắt, xây dựng, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ không thể tránh khỏi tác động của các yếu tố kinh tế thay đổi này.

Tình hình chung ngành đường sắt năm 2019:

Năm 2019 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đó là hạn chế về năng lực nội lực; áp lực cạnh tranh ngày càng tăng với các phương tiện khác. Trong khi đó, vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt năm qua rất hạn hẹp, chưa có dự án mới triển khai vì vậy chưa có sự đột phá về chất lượng, năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt, công việc của các công ty cổ phần xây lắp tiếp tục khó khăn. Tuy nhiên, sau những nỗ lực đổi mới, vận tải đường sắt đã có sự khởi sắc. Sản lượng, doanh thu toàn Tổng công ty bước đầu hồi phục đà tăng trưởng, chặn được đà sụt giảm thị phần vận tải đường sắt, kinh doanh vận tải đã có lãi. Công tác an ninh - an toàn giao thông đường sắt bước đầu kiểm soát được những tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu, an toàn giao thông đường sắt giảm cả 3 tiêu chí so với năm 2018.

b) Rủi ro đặc thù ngành đường sắt

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu. Do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Bên cạnh đó, để phát triển ngành Đường sắt đòi hỏi phải tốn nhiều chi phí và nguồn vốn lớn như chi phí khấu hao, nguồn vốn tín dụng, vốn ODA (vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài) để đầu tư, cải tạo cầu đường sắt, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc, đầu máy, phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhìn chung các nguồn vốn này đều thấp hơn so với nhu cầu chi dùng và phát triển của Đường sắt Việt Nam, hiện chưa khắc phục tình trạng lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của đường sắt để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững ngành Đường sắt Việt Nam.

Áp lực từ khách hàng: Dù có nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau nhưng sử dụng dịch vụ vận tải đường sắt đã khá quen thuộc với người dân Việt Nam khi có nhu cầu vận chuyển hay đi lại ở cự ly trung bình và dài. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi cho sự tăng trưởng của ngành đường sắt, nhưng nó cũng đòi hỏi ngành đường sắt khi thực hiện dịch vụ vận tải phải đáp ứng nhu cầu hiện đại về an toàn, môi trường, tốc độ, chất lượng và giá cả từ phía khách hàng.

Áp lực từ sản phẩm thay thế: Trong thời điểm hiện nay, các ngành hàng không, đường bộ ngày càng phát triển, chất lượng dịch vụ ngày càng cao dễ dàng thay thế ngành đường sắt vì hạ tầng quá lâu đời, chất lượng tàu và công nghệ lạc hậu. Hơn nữa, vận tải đường sắt kém linh hoạt hơn vận tải đường bộ, tàu hỏa không thể cung cấp dịch vụ đến một địa điểm bất kỳ và chỉ có thể vận chuyển hành khách, hàng hóa từ ga đến ga, theo lịch trình cố định. Vì vậy chi phí vận chuyển cũng tương đối cao hơn so với vận tải bằng đường bộ.

Áp lực từ đối thủ cạnh tranh: Với cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai, minh bạch, góp phần khắc phục những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp cho các dự án phát triển hạ tầng đường sắt quốc gia, đã tạo ra thách thức đối với Công ty trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân khác trong ngành, Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Công ty trong ngành. Đây được xem là động lực thúc đẩy Công ty không ngừng nỗ lực hoàn thành các công trình hạ tầng đường sắt có chất lượng tốt.

Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chèn lấn gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu.

### c) Rủi ro giá nguyên vật liệu

Đối với ngành xây dựng, thi công, sửa chữa đường sắt, vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty hoạt động trong ngành này. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của công ty, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Công ty khó có thể xoay sở kịp với sự tăng giảm thất thường của giá nguyên liệu đầu vào, đồng thời cũng không thể điều chỉnh ngay lập tức giá bán sản phẩm khi chi phí đầu vào tăng lên vì mục tiêu đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Từ đó ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### d) Rủi ro luật pháp

Được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và Luật Đường sắt cùng các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi chưa đạt hiệu quả cao. Do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Để khắc phục rủi ro này, Công ty liên hệ với các đơn vị tư vấn để được tư vấn những chính sách đúng đắn, nhằm cập nhật các quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi cho cổ đông. Mặt khác, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để trang bị kiến thức, kỹ năng, chủ động trước những biến động đột xuất, bất ngờ.

### e) Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và hoạt động của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

### f) Các giải pháp hạn chế rủi ro:

- Kịp thời nắm bắt các định hướng, chiến lược phát triển ngành đường sắt của Chính phủ trong từng thời kỳ. Nắm bắt kịp thời kế hoạch đầu tư bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hàng năm để nhận đặt hàng.

- Điều hành dòng tiền hợp lý, tăng vòng quay của đồng vốn, giảm hàng tồn kho. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ luật, sáng tạo v.v...

- Thường xuyên đôn đốc công nợ khách hàng, tránh nợ đọng, nợ khó đòi...

- Các hoạt động SXKD của Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, quan tâm đến phúc lợi xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

## PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

*ĐVT: Triệu đồng*

ST T	Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		Tỷ lệ năm 2019/năm 2018
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.139	99,38	139.935	98,63	103,55%
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	849	0,62	1.849	1,37	217,79%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>135.988</b>	<b>100</b>	<b>141.874</b>	<b>100</b>	<b>104,33%</b>

Doanh thu năm 2019 đạt 104,33% so với năm 2018 (Trong đó doanh thu thuần năm 2018 chưa trừ 8,161 tỷ đồng tiền ray dự án).

### 2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Ngọc Sơn	Giám đốc	29.900	1,693%
2	Đoàn Thuận	Phó Giám đốc	11.300	0,641%
3	Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc	17.600	1,000%
4	Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng	96.745	5,495%



**Lý lịch Ban điều hành, Kế toán trưởng:**

**\* GIÁM ĐỐC: TRẦN NGỌC SƠN**

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 30/10/1974

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 15, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình.

- Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 5, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

- Số CMND:194410389; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 23/02/2011

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu hầm đường sắt

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 3/1994 đến tháng 12/1995: Công nhân Cung cầu La Khê thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 01/1996 đến tháng 7/2002: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật; Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 8/2002 đến tháng 9/2006: Bí thư Đoàn thanh niên Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 10/2006 đến tháng 11/2006: Trưởng phòng TCCB-LĐ Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/2006 đến tháng 11/2011: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/2011 tháng 12/2015: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình.

- Từ tháng 01/2016 đến 28/02/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty.

- Từ 01/3/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 29.900 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 448.927,5 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* PHÓ GIÁM ĐỐC: ĐOÀN THUẬN**

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 10/10/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Chỗ ở hiện tại: Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Số CMND: 194212740; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 19/8/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Giám đốc Công ty

Quá trình công tác:

- Từ tháng 5/1992 đến tháng 8/1993: Công nhân duy tu sửa chữa đường sắt; Cung đường Khe Nét thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 9/1993 đến 01/1995: Thống kê Đội đường 2 thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 02/1995 đến 01/1998: Thống kê Đội máy chèn thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 02/1998 đến 02/2005: Chuyên viên phòng TCCB-LĐ Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 3/2005 đến 7/2013: Phó trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 8/2013 đến 11/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch kiêm phụ trách Tổ dự án Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 12/2014 đến 02/2018: Trưởng phòng KH-KD Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.
- Từ tháng 3/2018 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 11.300 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* PHÓ GIÁM ĐỐC: TRƯƠNG HỮU MẠNH**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/7/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Tổ DP 6, P.Nam Lý, TP.Đồng Hới, Quảng Bình.
- Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 6, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình.
- Số CMND: 194090122; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 02/02/2006.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Giám đốc

Quá trình công tác:

- Từ tháng 1/1989 đến tháng 7/1989: Thực tập công nhân Cung đường La Khê - Xí nghiệp đường sắt Nghệ Tĩnh.

- Từ tháng 8/1989 đến tháng 11/1995: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/1995 đến tháng 12/2000: Giám sát viên đường phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 01/2001 đến tháng 5/2002: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 6/2002 đến tháng 7/2003: Phó phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 8/2003 đến tháng 12/2015: Trưởng phòng Kỹ thuật & ATGTĐS thuộc Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 1/2016 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Đường sắt Quảng Bình.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 17.600 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* KẾ TOÁN TRƯỞNG: MAI THỊ TUYẾT LAN**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 02/09/1977

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Chỗ ở hiện tại: Xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Số CMND: 194057527; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 18/8/2011

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Kế toán trưởng .

Quá trình công tác:

- 11/1999-8/2003: Chuyên viên tại Công ty CP Gốm sứ Quảng Bình;

- 9/2003 đến 3/2011: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, phòng TCCB-LĐ Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình;

- 04/2011-6/2013: Phó phòng TCCB-LĐ, phó phòng TCKT Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình

- 7/2013-6/2014: Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình.

- 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 96.745 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

b) Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD năm 2019: Không.

c) Số lượng cán bộ công nhân viên (tại ngày 31/12/2019)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>528</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	02	0,38%
2	Đại học	56	10,61%
3	Cao đẳng	01	0,19%
4	Trung cấp	12	2,27%
5	CNKT	457	86,55%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>528</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	528	100%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>528</b>	
1	Nam	420	79,55%
2	Nữ	108	20,45%

d) Thu nhập bình quân

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số người lao động bình quân	558	517	534	532
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.050.000	7.760.000	8.536.000	8.988.000

e) Chính sách nhân sự

Để xây dựng nguồn lực, Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Ngoài tiền lương, Công ty xây dựng chế độ thưởng theo quy chế khen thưởng chung của Nhà nước và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương và tiền thưởng, Công ty cũng sẽ tiếp tục truyền thống của đơn vị là chăm lo nâng cao đời sống cho người lao động và tham gia các hoạt động phúc lợi xã hội khác như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện...

### **3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

a) Dự án đầu tư xây dựng: Không có.

b) Dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, sửa chữa nâng cấp tài sản: Không có.

### **4. Tình hình tài chính**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Tỷ lệ năm 2019/ năm 2018</b>
Tổng tài sản	70.396.058.990	66.451.825.536	94,40%
Vốn chủ sở hữu	20.563.559.177	21.645.499.696	105,26%
Doanh thu thuần	135.138.537.107 *	139.934.777.633	103,55%
Giá vốn hàng bán	118.231.333.748	125.709.913.817	106,33%
Chi phí tài chính	1.863.014	1.591.781	85,60%
Chi phí bán hàng	0	0	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.335.380.983	10.702.540.474	74,66%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.390.377.677	4.698.099.030	138,57%
Lợi nhuận khác	(33.684)	(165.415.055)	
Lợi nhuận trước thuế	3.390.343.993	4.532.683.975	133,69%
Lợi nhuận sau thuế	2.706.525.099	3.517.812.618	129,98%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.537	1.998	129,99%
Tỷ lệ cổ tức (%)	11%	11,9%	108,18%

*Ghi chú: (\*) Doanh thu thuần năm 2018 chưa trừ 8,161 tỷ đồng tiền ray Dự án Tổng công ty cấp.*

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,08	1,18
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,79	67,43
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	242,33	207,00
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	32,42	92,76
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,87	2,14
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,00	2,51
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,30	16,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,74	5,38
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,51	3,36

**5. Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Thông tin cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.760.500 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.760.500 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông: *Tính đến ngày 31/12/2019.*

<b>STT</b>	<b>Loại cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị (triệu đồng)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>
1	Cá nhân	862.645	8.626.450.000	49%

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

2	Tổ chức	897.855	8.978.550.000	51%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>

Danh sách cổ đông lớn: *Tính đến ngày 31/12/2019.*

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	897.855	51,000%
Đỗ Bá Tâm	184.500	10,479%
Mai Thị Tuyết Lan	96.745	5,495%
Nguyễn Văn Minh	93.550	5,313%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

## **6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng**

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

b) Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện..., Trong đó:

- Xăng: 14.024 lít, được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô phục vụ hành chính, vận chuyển vật liệu và máy thi công đường sắt.

- Dầu diezen: 79.705 lít, sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt như máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng, goòng máy...

- Dầu nhờn: 4.455 lít, được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.

- Điện: 62.420 KW phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

Công ty ký hợp đồng mua nước tại Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình để phục vụ nước sinh hoạt cho văn phòng Công ty, đối với những khu vực không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cấu kiện bê tông được sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Lượng nước sử dụng trong năm 2019: 7.656 m<sup>3</sup>.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2019, Công ty tiếp tục tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường trong toàn Công ty đã đăng ký từ năm 2015. Trên cơ sở đó triển khai đến các đơn vị trong toàn Công ty thực hiện. Ngoài ra, để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã thành lập ban chỉ đạo bảo vệ môi trường Công ty, đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động. Công ty cũng xúc tiến đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới xác nhận trong năm 2015. Trong năm 2019, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

### **7. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Chính sách đào tạo

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề và nghiệp vụ. Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn trung và dài hạn;
- Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

b) Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:



Thường cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất làm lợi cho doanh nghiệp;

Chi trả công khuyến khích trong các dịp lễ tết của quốc gia và của ngành, Công ty.

Trong năm Công ty đã chi từ Quỹ khen thưởng để thưởng cho CBCNV và tập thể cá nhân ngoài ngành có đóng góp cho hoạt động của Công ty với số tiền 321.500.000 đồng (chưa bao gồm Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành).

**c) Chế độ phụ cấp, bảo hiểm**

Tất cả nhân viên của Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của Công ty còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...

Là doanh nghiệp hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, do đó đã tạo điều kiện cho CBCNV lao động yên tâm công tác và yêu ngành, yêu nghề.

**d) Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác**

Các tổ chức chính trị xã hội như Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trong năm các tổ chức đoàn thể đã phối hợp chuyên môn tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua, các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức hội thao truyền thống của Công ty, ngày Quốc tế thiếu nhi, ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, và các hoạt động khác nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV; hằng năm tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn thể CBCNV LĐ Công ty theo đúng quy định.

**8. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và trách nhiệm với địa phương, đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện..., tham gia với khối Doanh nghiệp I đóng trên địa bàn tỉnh xây dựng nhà tình thương; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ Quỹ Vì người nghèo và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác, qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Công ty với nhau và với xã hội.

**PHẦN III  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**a) Khối lượng, sản lượng chính đã thực hiện**

Hoàn thành 100% khối lượng bảo dưỡng thường xuyên định kỳ theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đạt 139.496 triệu đồng với các sản phẩm chính gồm:

- Đường đồng bằng:

1 Đường chính	Km	157,492
---------------	----	---------

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

2	Đường Ga	Km	24,909
3	Ghi	Bộ	99,000
4	Cầu	100m	34,194
5	Cổng	100m	41,239
6	Hầm	100m	6,840
7	Nhà ga, kho ga	100m <sup>2</sup>	59,373
8	Ke ga, bãi hàng	1000m <sup>2</sup>	61,078
9	Điểm gác đường ngang	Điểm	27,000
- Đường đèo Khe Nét:			
1	Đường chính	Km	9,683
2	Đường ga	Km	1,114
3	Ghi	Bộ	5,000
4	Cầu	100m	2,025
5	Cổng	100m	4,840
6	Nhà ga, kho ga.	100m <sup>2</sup>	2,600
7	Ke ga, bãi hàng	1000m <sup>2</sup>	4,700
8	Điểm gác đường ngang	Điểm	1,000

**b) Hoạt động sản xuất kinh doanh khác:**

Cùng với việc hoàn thành khối lượng bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt, trong năm 2019 để đạt được các chỉ tiêu đề ra, ngoài việc thực hiện khối lượng bảo trì theo hợp đồng đặt hàng thì Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm thêm việc làm như: Cảnh giới Đường ngang Km 472+584, tham gia đấu thầu thi công Công trình: Sửa chữa định kỳ cầu Km 407+463; 545+625; 410+570; Sửa chữa định kỳ đường sắt Km 439+045-442+825, chèn đường bằng máy chèn 08.8GS tại Công ty CPĐS Sài Gòn; Thuận Hải; Bình Trị Thiên, Nghệ Tĩnh... và một số hạng mục công trình khác nên đã góp phần đảm bảo việc làm, tăng lợi nhuận và nâng cao thu nhập cho người lao động.

**c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết ĐHĐCĐ giao:***ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH2019/ TH2018	TH2019/ KH2019
Doanh thu thuần	135.139	139.294	139.935	103,55%	100,46%
Giá vốn hàng bán	118.231	124.942	125.710	106,33%	100,61%
Doanh thu hoạt động tài chính	820		1.177	143,54%	
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh	14.337	10.000	10.704	74,66%	107,04%

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>TH 2018</b>	<b>KH 2019</b>	<b>TH 2019</b>	<b>TH2019/ TH2018</b>	<b>TH2019/ KH2019</b>
nghịệp					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.390	4.352	4.698	138,58%	107,95%
Thu nhập khác	29		672	2.317,24%	
Chi phí khác	29		837	2.886,21%	
Lợi nhuận khác			-165		
Lợi nhuận trước thuế	3.390	4.352	4.532	133,69%	104,14%
Lợi nhuận sau thuế	2.706	3.482	3.517	129,97%	101,01%
EPS (đồng/cổ phiếu)	1.537	1.978	1.998	129,99%	101,01%
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	11	11,9	11,9	108,18%	100%
Lao động bình quân	534	560	532	99,43%	95,00%
Thu nhập bình quân	8.536	8.963	8.988	105,30%	100,27%

*Ghi chú: Doanh thu thuần năm 2018 chưa trừ 8,161 tỷ đồng tiền ray Dự án.*

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình trong năm 2019:

- Doanh thu năm 2019 tăng 0,46% so với kế hoạch và tăng 3,55% so với năm 2018 trong khi doanh thu sản phẩm quản lý, bảo dưỡng KCHT ĐS chỉ đạt 99,2% so với năm 2018 (115,400 tỷ đồng/116,309 tỷ đồng), doanh thu từ công trình ngoài SX chính tăng 15,20 so với năm 2018 (18,566 tỷ đồng/12,787 tỷ đồng) phản ánh sự cố gắng nỗ lực của Công ty trong việc tìm kiếm việc làm, đảm bảo chỉ tiêu được giao.

- Công ty quản lý, sử dụng tốt nguồn vốn nhân rồi để tăng doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 tăng 43,54% so với năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 30,01% so với năm 2018 và tăng 1,03% so với kế hoạch ghi nhận là do sự nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và giám sát của Ban kiểm soát trong hoạt động tài chính của Công ty.

Tiền lương và thu nhập: Thu nhập bình quân năm 2019 là: 8,988 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,30% so với 2018.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a) Tình hình tài sản**

*ĐVT: Triệu đồng*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019	TH2019/TH2018
Tài sản ngắn hạn	57.408	54.572	81,55%	82,12%	95,06%
Tài sản dài hạn	12.988	11.880	18,45%	17,88%	91,47%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>70.396</b>	<b>66.452</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>94,40%</b>

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2019 có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 66.452 tỷ đồng.

Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 54,572 tỷ đồng giảm 4,94% so với năm trước, nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm 57,78% từ 3,573 tỷ đồng xuống 1,509 tỷ đồng và tiền và các khoản tương đương tiền giảm 50,60% do trong năm Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ phải trả.

Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các TSCĐ hữu hình, cụ thể như sau:

Tình hình tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	21.331.854.174	9.276.305.777	43,48%
Máy móc thiết bị	6.172.141.906	1.980.697.927	32,09%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8.002.875.506	622.923.410	7,78%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	112.363.636	0	0%
<b>Cộng</b>	<b>35.619.235.222</b>	<b>11.879.927.114</b>	<b>33,35%</b>

Trong năm Công ty đã đầu tư mua 01 máy đào bánh xích, 01 máy chèn đường cầm tay, 01 máy cưa ray và 01 máy khoan ray với kinh phí 1,027 tỷ đồng. Thanh lý 01 xe ô tô Mazda 05 chỗ ngồi.

**Tình hình sử dụng đất:**

STT	Vị trí	Tài sản trên đất	Diện tích đất (m2)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
1	Khu nhà điều hành sản xuất Công ty (nhà đất khu làm việc công ty) tại 377 đường Trần Hưng Đạo, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	- Trụ sở và Nhà điều hành sản xuất - Nhà hội trường - Nhà Kho - Nhà để máy chèn - Khu vực thể thao - Khu vực	19.974,6	Thuê đất trả tiền hằng năm	Trụ sở công ty và các công trình kiến trúc phụ trợ

		nhà xưởng sản xuất - Khu nhà ở gia đình và nhà ở tập thể			
2	Khách sạn đường sắt tại đường Trương Pháp, phường Hải Thành, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Khách sạn, nhà hàng	2.451,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	Khách sạn, Nhà hàng ăn uống.

**b) Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019	TH2019/TH2018
Nợ ngắn hạn	49.832	44.806	100,00%	100,00%	89,91%
Nợ dài hạn	0	0	0%	0%	0
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>49.832</b>	<b>44.806</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>89,91%</b>

Tình hình nợ phải trả trong năm 2019 có giảm đáng kể so với năm 2018, mức tổng nợ phải trả trong năm 2019 đạt 44,806 tỷ đồng giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 44,806 tỷ đồng do Công ty đã thanh toán các khoản phải trả cho các đối tác của Công ty, đặc biệt phải trả cán bộ công nhân viên.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Ứng dụng công nghệ mới trong XDCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng môi gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin. Trong năm 2019, Công ty đã sử dụng thành thạo phần mềm kế toán EFFECT 4.0 phục vụ cho công tác kế toán và quản trị công ty được cập nhật kịp thời, chính xác.

Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường an toàn, êm thuận.

Ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất đảm bảo nhanh, hiệu quả. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhật phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc...

Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức để kiểm tra sát hạch nâng lương cả về chuyên môn, tin học thực hành và pháp luật. Phân đầu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

#### **4. Kế hoạch phát triển năm 2020 và trong tương lai**

Các chỉ tiêu kế hoạch và cổ tức năm 2020:

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thực hiện năm 2019</b>	<b>KH 2020 HDQT giao</b>	<b>Tỷ lệ KH 2020/TH 2019 (%)</b>
1	Sản lượng	Tr.đ	167.870	166.243	99,03
2	Doanh thu	Tr.đ	139.935	151.130	100,80
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.532	4.623	102,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.518	3.699	105,14
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	100
6	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	19,98	21,01	102,23
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.094,995	2.112,60	100,84
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,9	12,0	100,84
9	TNBQ/người/tháng	1.000đ	8.988	9.347,5	104,00

Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát. Chỉ đạo công tác điều hành doanh nghiệp phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin về tình hình KT-XH của đất nước, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, tích cực tìm thêm việc làm để tăng doanh thu và thu nhập cho người lao động.

- Ưu tiên mọi nguồn lực để tập trung thi công các công trình trong và ngoài ngành, đặc biệt là các công trình thuộc dự án 7.000 tỷ đồng để nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; Có biện pháp chỉ đạo quyết liệt, phát động thi đua ngay từ đầu năm, có chế độ khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, thực hiện trả lương theo hiệu quả công việc.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính, luôn chủ động trong việc điều hành vốn cũng như sử dụng linh hoạt các nguồn vốn, kiểm soát được vốn, quay vòng vốn nhanh.

- Tiếp tục bổ sung, sửa đổi và ngày càng hoàn thiện Hệ thống quy chế nội bộ nhằm tăng cường công tác điều hành, quản lý, giám sát có hiệu quả cao.

- Sắp xếp tổ chức cán bộ, lao động cho phù hợp; nghiên cứu đề xuất mô hình hoạt động của KSĐS Công ty, đầu tư cho học tập nghiệp vụ để nâng cao trình độ cho CBCNV lao động, từ đó mỗi bộ phận, mỗi cán bộ, công nhân phải luôn đổi mới cách nghĩ, cách làm, chủ động hơn nữa trong mọi công việc.

- Thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên và người lao động. Đảm bảo 100% CBCNV lao động có việc làm ổn định, tăng thu nhập, tạo điều kiện để CBCNV được đi nghỉ mát hàng năm và được giúp đỡ, trợ cấp, vay vốn khi gia đình và bản thân gặp khó khăn, hoạn nạn.

### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.

## **PHẦN VI**

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Trong năm 2019, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019:

T T	Tên chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2019		Tỷ lệ TH 2019/ KH 2019
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	100,00%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	167.035	167.870	100,50%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	139.294	139.935	100,46%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	134.941	135.403	100,68%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.352	4.532	104,13%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.482	3.518	101,03%
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	8.963	8.988	105,30%
8	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn điều lệ	%	19,78	19,98	101,01%
9	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.094,995	2.094,995	100%
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,9	11,9	%

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc có địa chỉ tại 709, D11, Toà nhà Sunrise Building, đường Trần Thái Tông, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức giao dịch trên thị trường chứng khoán.

b) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2019

Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch chi trả lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2019 là: 1.791.832.000 đồng. Năm 2019, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu đều vượt so với kế hoạch, các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, quyết toán tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao (đ/ng/ tháng)	Mức lương (đ/ng/ tháng)	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		28.553.000	342.632.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	2.000.000		48.000.000



<b>STT</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tháng</b>	<b>Mức thù lao (đ/ng/tháng)</b>	<b>Mức lương (đ/ng/tháng)</b>	<b>Tổng số tiền</b>
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		20.407.000	244.880.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	12	900.000		21.600.000
5	Giám đốc	1	12		25.427.000	305.126.000
6	Phó Giám đốc	2	12		23.197.000	556.732.000
7	Kế toán trưởng	1	12		21.839.000	262.062.000
8	Thư ký HĐQT	1	12		900.000	10.800.000
	<b>Cộng</b>					<b>1.791.832.000</b>

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Chỉ đạo, giám sát việc sắp xếp mô hình tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2020**

Xác định năm 2020 sẽ là một năm khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty, vì vậy Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020, đặc biệt quan tâm đến các chỉ

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 như sau:

Năm 2020, Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, đề ra các giải pháp nhằm chỉ đạo và điều hành công tác SXKD của Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020
Tổng sản lượng	Tỷ đồng	166,243
Doanh thu	Tỷ đồng	151,130
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	16,913
<b>Lợi nhuận</b>		
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,623
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,698
<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		
Chia cổ tức	Tỷ đồng	2,112
Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	543,800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	897,487
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	21,645
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	17,605
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	21,01
Số lao động sử dụng trong năm	Người	550
Thu nhập bình quân	Tr đồng/người/tháng	9,348

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý điều hành, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, xây dựng định biên bộ máy gián tiếp phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang lại hiệu quả cao nhất.

Phối hợp với Ban kiểm soát tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, minh bạch hoá các hoạt động theo đúng quy định.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trong hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

**PHẦN V  
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY****1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2019)**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số lượng CP sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
1	Trần Văn Sáu	Chủ tịch	57.600	3,271%
2	Trần Ngọc Sơn	Thành viên	29.900	1,693%
3	Nguyễn Văn Minh	Thành viên	93.550	5,313%

**Tóm tắt lý lịch:****\* CHỦ TỊCH HĐQT: TRẦN VĂN SÁU**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 12/12/1966
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

- Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 6, Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

- Số CMND: 194410047; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 21/6/2006

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng đường sắt

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

**Quá trình công tác:**

- Từ tháng 3/1987 đến tháng 3/2000: Công nhân cung đường Khe Nét; (Từ tháng 9/1993 - 2/1998: Theo học và tốt nghiệp trường Đại học giao thông vận tải Hà Nội).

- Từ tháng 4/2000 đến 2/2002: Kỹ thuật viên đội đường 4;

- Từ tháng 3/2002 đến 11/2002: Quyền Đội trưởng đội đường 2; Giám sát viên khu vực 4;

- Từ tháng 12/2002 đến tháng 3/2011: Phó phòng Kỹ thuật;

- Từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2013: Giám đốc Xí nghiệp KDDV-XDCT; Giám đốc Xí nghiệp XDCT;

- Từ tháng 8/2013 đến 30/11/2015: Phó Giám đốc công ty.

- Từ 01/12/2015 đến 28/2/2018: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

- Từ 01/3/2019 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 57.600 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 448.927,5 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC: TRẦN NGỌC SƠN**

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

**\* THÀNH VIÊN HĐQT: NGUYỄN VĂN MINH**

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 22/5/1964

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Chỗ ở hiện tại: Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Số CCCD: 044064000698; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 26/6/2017

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế xây dựng; cử nhân Luật.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT; Trưởng phòng TC-HC.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1985 tham gia quân đội;

- Từ tháng 7/1985 đến tháng 3/1997 công nhân gác cầu đường sắt, Cung đường Phúc Tự thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 4/1997 đến 8/1998 thường trực công tác đoàn kiêm công tác thi đua Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 9/1998 đến 12/2000 Bí thư Đoàn TN Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 01/2001 đến 01/2002 Bí thư Đoàn TN kiêm chuyên viên phòng TC-KT Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 2/2002 đến 5/2002 Bí thư Đoàn TN kiêm Phó trưởng phòng Vật tư Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 6/2002 đến 11/2006 Trưởng phòng Vật tư Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/2006 đến 19/4/2018 Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

- Từ 20/4/2018 đến nay Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 93.550 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**2. Nội dung các phiên họp Hội đồng quản trị:**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Phiên họp ngày 11/01/2019 về Công tác sản xuất kinh doanh Quý I/2019 của Công ty.

- Phiên họp ngày 04/3/2019 về Kế hoạch tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Phiên họp ngày 24/4/2019 về Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền cho các cổ đông.

- Phiên họp ngày 26/4/2019 về việc ủy quyền ký kết hợp đồng nhân danh Công ty.

- Phiên họp ngày 27/6/2019 về công tác cán bộ tại Công ty.

- Phiên họp ngày 19/7/2019 về công tác sản xuất, kinh doanh Quý III/2019 của Công ty.

- Phiên họp ngày 11/10/2019 về về công tác sản xuất, kinh doanh Quý IV/2019 của Công ty.

- Phiên họp ngày 14/10/2019 về việc ủy quyền ký kết hợp đồng nhân danh Công ty.

- Phiên họp ngày 15/10/2019 về phương án KD Khách sạn Đường sắt.

- Phiên họp ngày 01/11/2019 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

a) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2019 gồm:

- Số lượng Nghị quyết ban hành: 10 Nghị quyết;

- Số lượng Quyết định ban hành: 19 Quyết định, cụ thể:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
<b>I</b>	<b>NGHỊ QUYẾT</b>		
1	Số 01/NQ-HĐQT	11/01/2019	Thông qua các nội dung sau: 1. Kế hoạch An toàn vệ sinh lao động năm 2019; 2. Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyên xếp lương trong Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. 3. Kế hoạch huấn luyện ATVSLĐ, đào tạo và tuyển dụng năm 2019. 4. Giao Ban điều hành: - Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh Quý I năm 2019 và đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt trong dịp tết Nguyên đán Kỷ Hợi. - Bố trí đủ nhân lực làm việc và trực giải quyết sự cố trong dịp Tết. Bố trí đủ kinh phí để thanh toán các chế độ cho người lao động và công tác phục vụ đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV trong dịp Tết đúng theo quy định.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
2	Số 02/NQ-HĐQT	04/3/2019	<p>Thông qua kế hoạch, nội dung phiên họp Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình với các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty: Ngày 25/3/2019.</li><li>2. Thời gian tiến hành Đại hội: Dự kiến vào giữa tháng 4 năm 2019.</li><li>3. Địa điểm: Hội trường Công ty, Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.</li><li>4. Nội dung Đại hội:<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;</li><li>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019;</li><li>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019;</li><li>- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018;</li><li>- Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019;</li><li>- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.</li><li>- Thông qua phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019.</li><li>- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.</li></ul></li></ol>
3	Số 03/NQ-HĐQT	25/4/2019	<p>Thông qua chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình cho các cổ đông như sau: Ngày đăng ký cuối cùng: 15/5/2019. Tỷ lệ thực hiện: 11%/cổ phần (một cổ phần nhận được 1.100 đồng). Thời gian thanh toán: 30/5/2019.</p>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
4	Số 04/NQ-HĐQT	26/4/2019	<p>Thông nhất giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty thực hiện việc thương thảo, ký kết hợp đồng thi công các công trình sửa chữa định kỳ thuộc tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa định kỳ cầu Km 545+625;</li> <li>- Sửa chữa định kỳ cầu Km 407+463;</li> <li>- Sửa chữa định kỳ cầu Km 410+570;</li> <li>- Sửa chữa định kỳ đường sắt Km 439+045 - Km 442+825.</li> </ul> <p>2. Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh Quý II năm 2019 và đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt.</p>
5	Số 05/NQ-HĐQT	27/6/2019	<p>Thông nhất thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Thế Hùng, Phó Giám đốc Xí nghiệp SXVL-XDTH, phụ trách quản lý, điều hành Xí nghiệp SXVL-XDTH từ ngày 01/7/2019.</li> <li>2. Giao nhiệm vụ cho ông Phạm Hữu Chí, Đội phó đội QLĐS 3, phụ trách quản lý, điều hành Đội QLĐS 3 từ ngày 01/7/2019.</li> <li>3. Yêu cầu các cá nhân có liên quan làm công tác bàn giao theo đúng quy định.</li> </ol>
6	Số 06/NQ-HĐQT	19/7/2019	Về công tác sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2019
7	Số 07/NQ-HĐQT	11/10/2019	Về công tác sản xuất kinh doanh Quý 4 năm 2019
8	Số 08/NQ-HĐQT	14/10/2019	<p>Thông nhất thông qua việc giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty thực hiện việc thương thảo, ký kết hợp đồng, thanh toán, thanh lý các công trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, cải tạo 06 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km 437+975, Km 453+325, Km 461+400, Km 462+980, Km 479+443, Km 498+040 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh;</li> <li>- Nâng cấp, cải tạo 06 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km 499+375, Km 527+459, Km 554+637, Km 554+890, Km 557+327, Km 557+765, Km 558+100 tuyến</li> </ul>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
			đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; - Nâng cấp, cải tạo 06 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km 560+530, Km 564+850 (CG), Km 567+650, Km 573+452, Km 575+550, Km 578+363 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh.
9	Số 09/NQ-HĐQT	15/10/2019	<p>Thông nhất thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Đồng ý phương án cho thuê Khách sạn Đường sắt với thời hạn 10 năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2029.</p> <p>2. Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục cần thiết để cho thuê Khách sạn Đường sắt theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>3. Giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty thực hiện việc thương thảo, ký kết hợp đồng cho thuê Khách sạn Đường sắt.</p>
10	Số 10/NQ-HĐQT	01/11/2019	Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc có địa chỉ tại: P.709, D11, Toà nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
<b>II</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>		
1	Số 29/QĐ-HĐQT	12/01/2019	Về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp và chuyển xếp lương trong Công ty.
2	Số 35/QĐ- HĐQT	15/01/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch An toàn vệ sinh lao động năm 2019.
3	Số 161/QĐ-HĐQT	04/3/2019	Về việc thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban phục vụ phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
4	Số 162/QĐ-HĐQT	04/3/2019	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5	Số 188/QĐ-HĐQT	14/3/2019	Về việc sử dụng quỹ phúc lợi để tặng quà tài trợ, ủng hộ, thăm và động viên cán bộ chiến



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
			sỹ Trường Sa.
6	Số 765/QĐ-HĐQT	05/4/2019	Về việc thành lập Tổ xây dựng phương án kinh doanh Khách sạn của Công ty CPĐS Quảng Bình.
7	Số 812/QĐ-HĐQT	22/4/2019	Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế của Công ty.
8	Số 815/QĐ-HĐQT	24/4/2019	Về việc phân phối lợi nhuận năm 2018.
9	Số 829/QĐ-HĐQT	26/4/2019	Về việc ủy quyền cho Thành viên Trần Ngọc Sơn điều hành các công việc của Hội đồng quản trị.
10	Số 999a/QĐ-HĐQT	26/6/2019	Về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đấu thầu và Tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ dự thầu, Gói thầu: Cung cấp Tà vệt Bê tông dự ứng lực “TN1” phụ kiện đàn hồi $\omega$ .
11	Số 1000a/QĐ-HĐQT	27/6/2019	Về việc phê duyệt dự toán gói thầu: Cung cấp Tà vệt bê tông dự ứng lực “TN1” phụ kiện đàn hồi $\omega$ .
12	Số 1008/QĐ-HĐQT	28/6/2019	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp Tà vệt Bê tông dự ứng lực “TN1” phụ kiện đàn hồi $\omega$ (số lượng 4.737 thanh).
13	Số 1012/QĐ-HĐQT	28/6/2019	Phê duyệt hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp Tà vệt Bê tông dự ứng lực “TN1” phụ kiện đàn hồi $\omega$ (số lượng 4.737 thanh).
14	Số 1298/QĐ-HĐQT	18/10/2019	Thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản của Công ty.
15	Số 1322/QĐ-HĐQT	28/10/2019	Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tài sản lưu động.
16	Số 1327/QĐ-HĐQT	29/10/2019	Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý xe ô tô.
17	Số 1362/QĐ-HĐQT	08/11/2019	Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê Khách sạn Đường sắt.

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
18	Số 1458/QĐ-HĐQT	08/11/2019	Thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản tại thời điểm 0h ngày 01/01/2020.
19	Số 1515/QĐ-HĐQT	25/12/2019	Phê duyệt quỹ tiền lương của lãnh đạo quản lý, lao động gián tiếp cơ quan Công ty, BCH các đội QLĐS và bộ phận thừa hành phục vụ trong nguồn sửa chữa thường xuyên năm 2019.

b) Ban hành các quy chế quản lý:

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành mới và sửa đổi nội dung các quy chế, quy định sau: Ban hành mới Quy chế dân chủ ở cơ sở nơi làm việc, sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Quy chế Tuyển dụng và Đào tạo.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Công ty không có các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

### **3. Ban Kiểm soát**

#### **Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số lượng cổ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
1	Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng ban	5.000	0,28%
2	Lê Minh Tâm	Thành viên	900	0,05%
3	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	1.900	0,11%

#### **Tóm tắt lý lịch:**

##### **\* TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT: ĐỖ THỊ THÙY GIANG**

- Giới tính: Nữ
  - Ngày sinh: 08/01/1985
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Hộ khẩu thường trú: Tổ DP 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình
  - Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình
  - Số CMND: 194265318; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 14/4/2010
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  - Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Trưởng Ban kiểm soát
- Quá trình công tác:

- Từ tháng 11/2009 đến tháng 10/2011: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 11/2011 đến tháng 5/2015: Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 6/2015 đến tháng 11/2015: Chuyên viên Phòng TC-HC Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2016: Phó trưởng Phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 3/2016 đến tháng 4/2018: Phó trưởng Phòng TC-KT Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;

- Từ ngày 20/4/2018 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần

Những người có liên quan (Bố đẻ là ông Đỗ Bá Tâm, cổ đông lớn): 184.500 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT: LÊ MINH TÂM**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 20/05/1979

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình

- Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình

- Số CMND: 194069003; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 21/12/2011

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban kiểm soát.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2006 đến tháng 8/2010: Thống kê đội QLĐS 2 Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 10/2010: Thống kê đội QLĐS 5 Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình

- Từ tháng 11/2010 đến tháng 4/2011: Chuyên viên Kế hoạch - Vật tư Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty QLĐS Quảng Bình;

- Từ tháng 5/2011 đến nay: Chuyên viên Phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. Được bầu Thành viên Ban Kiểm soát từ 20/4/2018.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 900 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT: NGUYỄN THANH PHONG**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 20/11/1975

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Nơi ở hiện tại: Tổ DP 4, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Số CMND: 194005062; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 25/3/2011

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường bộ

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Trưởng phòng KH-KD, TV Ban Kiểm soát.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 1/1996 đến tháng 3/2000: Công nhân Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 4/2000 đến tháng 3/2002 là Thống kê Đội đường 1 thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 4/2002 đến tháng 6/2012: Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 7/2012 đến tháng 10/2019: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

- Từ tháng 11/2019 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

#### **4. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2019. Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

Sau cuộc họp HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT. BGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban định kỳ và họp đột xuất (khi cần). Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

### **5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Trần Văn Sáu	Chủ tịch HĐQT	342.632.000	
2	Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT		24.000.000
3	Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT		24.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng Ban	244.880.000	
2	Lê Minh Tâm	Thành viên		10.800.000
3	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên		10.800.000
<b>Ban điều hành</b>				
1	Trần Ngọc Sơn	Giám đốc Công ty	305.126.000	
2	Đoàn Thuận	Phó Giám đốc	274.410.000	
3	Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc	282.322.000	
4	Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng	262.062.000	

**PHẦN VI  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý kiến kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán độc lập đã được Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn trên cơ sở uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

Kiểm soát viên là ông Đặng Ngọc Khánh - Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán số: 2505-2019-009-1.

Ý kiến của kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán (kèm theo) và được Công ty đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://duongsatquangbinh.vn>.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



**Trần Ngọc Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Văn Sáu	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Trần Ngọc Sơn	Giám đốc
Ông Đoàn Thuận	Phó Giám đốc
Ông Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng

#### **Ban kiểm soát**

Bà Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc



**Trần Ngọc Sơn**

Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 067/2020/BCKT-PB.00007

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được lập ngày 25/02/2020, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Tuấn Vũ**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

**Đặng Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2505-2019-009-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.571.898.422</b>	<b>57.407.663.265</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.835.159.658</b>	<b>11.813.358.945</b>
1. Tiền	111		5.835.159.658	11.813.358.945
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.228.226.546</b>	<b>42.021.784.063</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	47.697.404.840	40.450.494.213
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.903.695.500	1.681.289.850
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(2.372.873.794)	(110.000.000)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>1.508.512.218</b>	<b>3.572.520.257</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.508.512.218	3.749.190.195
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(176.669.938)
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.879.927.114</b>	<b>12.988.395.725</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.879.927.114</b>	<b>12.988.395.725</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	11.879.927.114	12.988.395.725
- Nguyên giá	222		35.619.235.222	35.016.560.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.739.308.108)	(22.028.165.225)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>66.451.825.536</b>	<b>70.396.058.990</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.806.325.840</b>	<b>49.832.499.813</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.806.325.840</b>	<b>49.832.499.813</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	18.029.197.594	16.099.597.453
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	3.166.639.053	3.249.391.597
3. Phải trả người lao động	314		17.708.934.424	20.917.803.175
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	333.624.000	75.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.8	1.510.394.365	2.891.661.785
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.882.598.000	4.300.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.174.938.404	2.299.045.803
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>21.645.499.696</b>	<b>20.563.559.177</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>21.645.499.696</b>	<b>20.563.559.177</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.605.000.000	17.605.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.605.000.000	17.605.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		522.687.078	252.034.078
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.517.812.618	2.706.525.099
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.517.812.618	2.706.525.099
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>66.451.825.536</b>	<b>70.396.058.990</b>



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

Mai Thị Tuyết Lan  
Người lập biểu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	139.934.777.633	135.138.537.107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.934.777.633	135.138.537.107
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	125.709.913.817	118.231.333.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.224.863.816	16.907.203.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.177.367.469	820.418.315
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.591.781	1.863.014
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.591.781	1.863.014
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	10.702.540.474	14.335.380.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.698.099.030	3.390.377.677
11. Thu nhập khác	31	6.7	672.078.707	28.716.792
12. Chi phí khác	32		837.493.762	28.750.476
13. Lợi nhuận khác	40		(165.415.055)	(33.684)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.532.683.975	3.390.343.993
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.014.871.357	683.818.894
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.517.812.618	2.706.525.099
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.998	1.537
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.998	1.537



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

Mai Thị Tuyết Lan  
Người lập biểu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	147.937.735.174	139.852.107.540
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(64.170.359.065)	(54.045.516.934)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(64.715.542.411)	(59.866.580.665)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.591.781)	(1.863.014)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(733.314.503)	(602.132.826)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	97.824.000	5.727.036.766
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.070.623.671)	(23.734.901.248)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.655.872.257)</b>	<b>7.328.149.619</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(632.250.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	72.375.001	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.171.492.469	820.418.315
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>611.617.470</b>	<b>820.418.315</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.000.000.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.933.944.500)	(1.760.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.933.944.500)</b>	<b>(1.760.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.978.199.287)</b>	<b>6.388.067.934</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>11.813.358.945</b>	<b>5.425.291.011</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.835.159.658</b>	<b>11.813.358.945</b>



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

Mai Thị Tuyết Lan  
Người lập biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/03/2018.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 14/01/2016 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3100213455.

Vốn điều lệ: 17.605.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 1.760.500 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: QBR

Trụ sở chính của Công ty tại số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Dịch vụ vận chuyển;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng;
- Khách sạn: Kinh doanh khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, giải khát;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê phương tiện vận chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 1.4 Cấu trúc công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Xây dựng công trình	Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Khách sạn Đường sắt Quảng Bình	Đường Trương Pháp, phường Hải Thành, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp	Đường Hoàng Diệu, phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.11 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	16.157.985	14.933.743
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.819.001.673	11.798.425.202
<b>Cộng</b>	<b><u>5.835.159.658</u></b>	<b><u>11.813.358.945</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>43.481.778.451</b>	-	<b>34.389.828.213</b>	-
Tổng công ty đường sắt Việt	39.236.304.896	-	31.584.912.313	-
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	299.109.400	-	-	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Ninh	196.711.300	-	196.711.300	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Bình Trị Thiên	1.206.032.372	-	392.237.440	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Thuận Hải	909.295.060	-	923.751.747	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Sài Gòn	1.213.638.423	-	1.082.661.343	-
Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng	420.687.000	-	209.554.070	-
<b>Các bên khác</b>	<b>4.215.626.389</b>	<b>(2.372.873.794)</b>	<b>6.060.666.000</b>	<b>(110.000.000)</b>
Công ty Hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	3.829.637.348	(2.152.518.144)	5.567.148.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	385.989.041	(220.355.650)	493.518.000	(110.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>47.697.404.840</b>	<b>(2.372.873.794)</b>	<b>40.450.494.213</b>	<b>(110.000.000)</b>

### 5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.657.893.639</b>	-	<b>982.081.751</b>	-
Phải thu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chi phí thu gom, vận chuyển VTTT	1.017.240.939	-	982.081.751	-
Phải thu Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2 chi phí trồng coi VTTT	640.652.700	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>245.801.861</b>	-	<b>699.208.099</b>	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	-	-	123.000.000	-
Bảo hiểm NLD phải nộp	43.655.588	-	237.570.826	-
Phải thu khác	202.146.273	-	338.637.273	-
<b>Cộng</b>	<b>1.903.695.500</b>	-	<b>1.681.289.850</b>	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.4 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	3.829.637.348	(2.152.518.144)	-	-
Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	12.000.000	(6.000.000)	-	-
Công ty TNHH XD Tổng hợp Thăng Lợi	20.000.000	(6.000.000)	-	-
Công ty CP Đường Sắt Hà Ninh	196.711.300	(98.355.650)	-	-
Công ty CP Công trình 2	110.000.000	(110.000.000)	110.000.000	(110.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>4.168.348.648</b>	<b>(2.372.873.794)</b>	<b>110.000.000</b>	<b>(110.000.000)</b>

### 5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	883.305.101	-	2.429.362.711	(176.669.938)
Công cụ, dụng cụ	66.483.028	-	77.680.016	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	558.724.089	-	1.242.147.468	-
<b>Cộng</b>	<b>1.508.512.218</b>	<b>-</b>	<b>3.749.190.195</b>	<b>(176.669.938)</b>

#### (\*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Sửa chữa định kỳ Km 439+045- Km 442+825	489.396.806	-
Cứu chữa, khắc phục hậu quả TNGTĐS tại Km 505+690	69.327.283	-
Cứu chữa, khắc phục trật bánh tàu AH2 ga Thượng Lâm	-	335.836.803
Các công trình khác	-	906.310.665
<b>Cộng</b>	<b>558.724.089</b>	<b>1.242.147.468</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
Số dư tại 01/01/2019	21.331.854.174	5.144.914.634	8.427.428.506	112.363.636	-	-	35.016.560.950
Mua trong kỳ	-	1.027.227.272	-	-	-	-	1.027.227.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(424.553.000)	-	-	-	(424.553.000)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>21.331.854.174</b>	<b>6.172.141.906</b>	<b>8.002.875.506</b>	<b>112.363.636</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35.619.235.222</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>							
Số dư tại 01/01/2019	11.079.371.238	3.435.545.694	7.400.884.657	112.363.636	-	-	22.028.165.225
Khấu hao trong kỳ	976.177.159	755.898.285	403.620.439	-	-	-	2.135.695.883
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(424.553.000)	-	-	-	(424.553.000)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>12.055.548.397</b>	<b>4.191.443.979</b>	<b>7.379.952.096</b>	<b>112.363.636</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.739.308.108</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Số dư tại 01/01/2019	10.252.482.936	1.709.368.940	1.026.543.849	-	-	-	12.988.395.725
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>9.276.305.777</b>	<b>1.980.697.927</b>	<b>622.923.410</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.879.927.114</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 8.721.716.867 VND, tại 01/01/2019 là 6.842.266.867 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>4.333.588.128</b>	<b>4.333.588.128</b>	<b>5.382.757.758</b>	<b>5.382.757.758</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.506.079.581	2.506.079.581	3.521.456.710	3.521.456.710
Công ty CP TTTT Đường sắt Vinh	289.013.547	289.013.547	213.284.000	213.284.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	1.204.821.000	1.204.821.000	671.713.202	671.713.202
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	300.849.782	300.849.782	737.556.348	737.556.348
Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	-	-	90.000.000	90.000.000
Công ty CP Công trình 6	-	-	115.923.280	115.923.280
Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	32.824.218	32.824.218	32.824.218	32.824.218
<b>Các bên khác</b>	<b>13.695.609.466</b>	<b>13.695.609.466</b>	<b>10.716.839.695</b>	<b>10.716.839.695</b>
Công ty CP Đá Hoàng Mai	2.878.773.904	2.878.773.904	1.757.431.500	1.757.431.500
Công ty CP Đầu tư Công trình Hà Nội	3.151.005.500	3.151.005.500	2.141.727.929	2.141.727.929
Phải trả cho các đối tượng khác	7.665.830.062	7.665.830.062	6.817.680.266	6.817.680.266
<b>Cộng</b>	<b>18.029.197.594</b>	<b>18.029.197.594</b>	<b>16.099.597.453</b>	<b>16.099.597.453</b>

### 5.8 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>1.510.394.365</b>	<b>1.510.394.365</b>	<b>2.891.661.785</b>	<b>2.891.661.785</b>
Phải bồi thường thiệt hại tàu trật bánh	666.843.359	666.843.359	666.843.359	666.843.359
Kinh phí ray P50 L25m dự án	-	-	732.435.802	732.435.802
Phí, lãi vay MMTB dự án ODA bị xuất toán trả cho Ngân sách Nhà nước	35.141.608	35.141.608	357.346.499	357.346.499
Cổ tức	7.210.500	7.210.500	4.655.000	4.655.000
Các khoản khác	801.198.898	801.198.898	1.130.381.125	1.130.381.125
<b>Cộng</b>	<b>1.510.394.365</b>	<b>1.510.394.365</b>	<b>2.891.661.785</b>	<b>2.891.661.785</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	2.307.898.858	8.629.077.948	8.250.955.440	2.686.021.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	858.740.195	733.314.503	1.028.684.467	563.370.231
Thuế thu nhập cá nhân	-	185.246.481	185.246.481	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	957.121.688	957.121.688	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.166.639.053</b>	<b>10.510.760.620</b>	<b>10.428.008.076</b>	<b>3.249.391.597</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc	75.000.000	75.000.000
Chi phí sửa chữa toa xe, đầu máy gòong	161.269.000	-
Chi phí đào tạo lớp sơ cấp lái & vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	97.355.000	-
<b>Cộng</b>	<b>333.624.000</b>	<b>75.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.11 Vốn chủ sở hữu**  
**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>17.605.000.000</b>	-	-	-	<b>2.520.340.779</b>	<b>20.125.340.779</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	2.706.525.099	2.706.525.099
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	252.034.078	(2.520.340.779)	(2.268.306.701)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>17.605.000.000</b>	-	-	<b>252.034.078</b>	<b>2.706.525.099</b>	<b>20.563.559.177</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>17.605.000.000</b>	-	-	<b>252.034.078</b>	<b>2.706.525.099</b>	<b>20.563.559.177</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.517.812.618	3.517.812.618
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	270.653.000	(2.706.525.099)	(2.435.872.099)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>17.605.000.000</b>	-	-	<b>522.687.078</b>	<b>3.517.812.618</b>	<b>21.645.499.696</b>

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 802/NQ-DHĐCĐ ngày 16/04/2019 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	359.856.099	371.772.701
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	139.466.000	136.034.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	270.653.000	252.034.078
Chia cổ tức	1.936.550.000	1.760.500.000
<b>Tổng</b>	<b>2.706.525.099</b>	<b>2.520.340.779</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	17.605.000.000	17.605.000.000
Vốn góp cuối kỳ	17.605.000.000	17.605.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.936.550.000</b>	<b>1.760.500.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	897.855	8.978.550.000	51,00%	897.855	8.978.550.000	51,00%
Ông Đỗ Bá Tâm	184.500	1.845.000.000	10,48%	184.500	1.845.000.000	10,48%
Bà Mai Thị Tuyết Lan	96.745	967.450.000	5,50%	96.745	967.450.000	5,50%
Ông Nguyễn Văn Minh	93.550	935.500.000	5,31%	93.550	935.500.000	5,31%
Các cổ đông khác	487.850	4.878.500.000	27,71%	487.850	4.878.500.000	27,71%
<b>Cộng</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.760.500</b>	<b>1.760.500</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.760.500</b>	<b>1.760.500</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.760.500	1.760.500
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.760.500</b>	<b>1.760.500</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.760.500	1.760.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	115.400.032.045	116.309.255.466
Doanh thu hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng)	18.565.933.947	12.786.516.582
Doanh thu bán hàng + hoạt động khác	5.968.811.641	6.042.765.059
<b>Cộng</b>	<b>139.934.777.633</b>	<b>135.138.537.107</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	133.619.244.332	126.051.457.502
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	397.005.969	407.007.803
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	1.096.393.065	1.122.780.145
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	826.631.873	839.774.315
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.103.307.657	1.090.471.621
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	582.411.546	-
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	-	72.820.909
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	637.404.545	886.108.182
<b>Cộng</b>	<b>138.262.398.987</b>	<b>130.470.420.477</b>

### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	100.995.097.002	99.682.371.541
Giá vốn hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng)	18.690.465.926	12.517.511.929
Giá vốn bán hàng + hoạt động khác	6.024.350.889	6.031.450.278
<b>Cộng</b>	<b>125.709.913.817</b>	<b>118.231.333.748</b>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.177.367.469	820.418.315
<b>Cộng</b>	<b>1.177.367.469</b>	<b>820.418.315</b>

### 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	1.591.781	1.863.014
<b>Cộng</b>	<b>1.591.781</b>	<b>1.863.014</b>

### 6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.128.400.942	8.101.277.075
Chi phí dự phòng	4.145.471.794	4.300.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(4.300.000.000)	(1.204.339.873)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.728.667.738	3.138.443.781
<b>Cộng</b>	<b>10.702.540.474</b>	<b>14.335.380.983</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.837.050	-
Thu nhập thực hiện bảo đảm TTATGTĐS năm 2019	150.000.000	-
Thưởng vượt tiến độ	70.400.000	-
Thanh lý vật tư kém phẩm chất	48.820.158	-
Các khoản khác	375.021.499	28.716.792
<b>Cộng</b>	<b>672.078.707</b>	<b>28.716.792</b>

### 6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Kinh phí thực hiện bảo đảm TTATGTĐS năm 2019	150.000.000	-
Khoản phạt vượt định mức vật tư công trình đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông	470.110.652	-
Khoản nộp theo thông báo Quyết toán nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2017, 2018	71.562.163	-
Chi phí thanh lý vật tư kém phẩm chất	90.990.947	-
Khoản phạt do chậm tiến độ	37.800.000	-
Chi khen thưởng	12.510.000	-
Các khoản khác	4.520.000	28.750.476
<b>Cộng</b>	<b>837.493.762</b>	<b>28.750.476</b>

### 6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.532.683.975</b>	<b>3.390.343.993</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>541.672.815</b>	<b>28.750.476</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	541.672.815	28.750.476
Các khoản chi phí không được trừ	541.672.815	28.750.476
- Khoản phạt vượt định mức vật tư công trình đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông	470.110.652	-
- Khoản nộp theo thông báo Quyết toán nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2017, 2018	71.562.163	-
- Các khoản khác	-	28.750.476
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>5.074.356.790</b>	<b>3.419.094.469</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN</b>	<b>1.014.871.357</b>	<b>683.818.894</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.014.871.357</b>	<b>683.818.894</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6.9 Lãi trên cổ phiếu

#### 6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.517.812.618	2.706.525.099
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.517.812.618	2.706.525.099
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) (i)	1.760.500	1.760.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.998</b>	<b>1.537</b>

Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### 6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.517.812.618	2.706.525.099
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.517.812.618	2.706.525.099
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.760.500	1.760.500
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.998</b>	<b>1.537</b>

### 6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.716.083.825	46.776.683.210
Chi phí nhân công	71.447.220.841	60.670.778.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.021.503.506	2.647.163.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.538.538.546	9.143.985.527
Chi phí khác bằng tiền	5.776.571.900	11.039.457.248
<b>Cộng</b>	<b>138.499.918.618</b>	<b>130.278.068.412</b>

## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

### 7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 7.3 Thông tin về các bên liên quan

#### 7.3.1 Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	Công ty mẹ Đơn vị hoạch toán phụ thuộc của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP TTHH ĐS Vinh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP TTHH ĐS Đà Nẵng	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	Đơn vị sự nghiệp của TCT Đường Sắt VN
Trung tâm Y tế Dự phòng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp của TCT Đường Sắt VN
Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp của TCT Đường Sắt VN
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Cổ đông lớn, Kế toán trưởng Công ty

#### 7.3.2 Giao dịch với các bên liên quan trong năm

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
- Thuê máy móc thiết bị chuyên dùng	3.573.311.718	3.313.689.277
- Thanh toán tiền thuê máy móc thiết bị chuyên dùng	4.485.261.265	-
- Thuê nhà cung cầu đường, nhà làm việc, nhà lưu trú	242.303.591	248.230.826
- Nhận thanh toán kinh phí, khối lượng hoàn thành	139.010.025.011	126.051.457.502
- Nhận khen thưởng	26.900.000	15.800.000
- Nhận nợ khoản bồi thường chậm tàu	920.000	-
- Thanh toán tiền cổ tức	987.640.500	-
<b>Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng</b>		
- Thu tiền bán hàng hóa	180.000.000	-
<b>Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa</b>		
- Thanh toán tiền thi công	1.171.713.202	805.025.000
- Thuê thi công	1.704.821.000	-
<b>Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh</b>		
- Bù trừ công nợ	436.706.566	-
<b>Công ty CP TTHH ĐS Vinh</b>		
- Thanh toán tiền hợp đồng	213.284.000	65.492.000
- Thuê thi công hạng mục TTHH	289.013.547	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng</b> - Nhận thanh toán tiền thi công	490.012.070	-
<b>Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên</b> - Thanh toán tiền thuê máy	392.237.440	-
<b>Công ty CP Đường sắt Thuận Hải</b> - Nhận thanh toán thi công	923.751.747	-
<b>Công ty CP Đường sắt Sài Gòn</b> - Nhận thanh toán tiền thi công	1.082.661.343	-
<b>Trung tâm Y tế Dự phòng Đường sắt</b> - Thuê khám sức khỏe định kỳ - Thanh toán tiền khám sức khỏe định kỳ	95.800.000 95.800.000	- -
<b>Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên</b> - Thuê dịch vụ - Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ	32.824.218 32.824.218	- -
<b>Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt Việt Nam</b> - Chi phí đào tạo - Thanh toán chi phí đào tạo	240.807.472 330.807.472	- -
<b>Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt</b>		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	1.791.832.000	1.743.434.000

### 7.3.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

### 7.4 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 7.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.



**Trần Ngọc Sơn**  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2020

A blue handwritten signature, appearing to be "nam", written over a horizontal line.

**Mai Thị Tuyết Lan**  
Kế toán trưởng

A blue handwritten signature, appearing to be "nam", written over a horizontal line.

**Mai Thị Tuyết Lan**  
Người lập biểu

